

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 10 ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội bộ ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2022 được bổ nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị và được bầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc

Lê Đăng Phúc

Ngày 23 tháng 8 năm 2022

002
ÁNH
TY
HỮU
VÀ TƯ
C
A NỘI
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		738.934.759.284	770.835.480.941
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	115.725.455.357	226.306.248.566
1. Tiền	111		103.386.844.508	159.906.248.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.338.610.849	66.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		513.274.100.249	483.146.279.532
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	463.186.576.922	429.668.911.820
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	29.013.519.227	20.878.649.593
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		35.853.950	21.853.950
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	39.285.964.299	50.415.376.216
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(18.264.532.047)	(17.838.512.047)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		16.717.898	-
IV. Hàng tồn kho	140		79.609.135.476	50.082.955.984
1. Hàng tồn kho	141	V.7	79.609.135.476	50.082.955.984
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.326.068.202	11.299.996.859
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	7.485.161.046	7.395.354.117
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.839.465.809	3.904.642.742
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.441.347	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.608.524.995.553	1.300.393.829.281
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.339.762.552	22.413.762.552
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	14.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	22.339.762.552	22.399.762.552
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.130.900.657.343	875.085.909.653
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.129.872.901.241	873.868.471.485
<i>Nguyên giá</i>	222		2.668.813.102.680	2.348.199.947.091
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.538.940.201.439)	(1.474.331.475.606)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	705.183.885	884.362.329
<i>Nguyên giá</i>	225		1.954.941.271	1.954.941.271
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.249.757.386)	(1.070.578.942)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	322.572.217	333.075.839
<i>Nguyên giá</i>	228		1.209.215.000	1.144.215.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(886.642.783)	(811.139.161)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	233.788.674.601	198.552.681.743
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		233.788.674.601	198.552.681.743
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		160.722.262.754	151.205.055.866
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	160.722.262.754	151.205.055.866
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		60.773.638.303	53.136.419.467
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	60.773.638.303	53.136.419.467
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.347.459.754.837	2.071.229.310.222

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.408.098.524.432	1.112.516.826.710
I. Nợ ngắn hạn	310		659.125.243.796	555.135.532.088
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	161.982.493.464	176.800.556.905
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	51.899.143.426	4.667.959.335
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	15.165.213.797	21.833.267.743
4. Phải trả người lao động	314		13.535.157.571	20.738.459.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	89.395.589.908	64.901.714.474
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.000.000	901.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	32.998.314.234	20.143.860.933
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	285.580.660.577	229.759.985.763
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	8.563.670.819	15.388.227.535
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		748.973.280.636	557.381.294.622
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	23.700.000	23.700.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	748.949.580.636	557.357.594.622
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

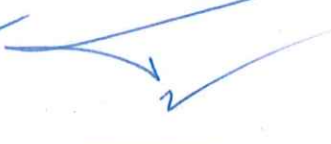
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		939.361.230.405	958.712.483.512
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	939.361.230.405	958.712.483.512
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		309.998.860.000	267.981.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		309.998.860.000	267.981.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		249.381.338.937	247.676.124.253
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.145.979.951	27.009.146.352
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		146.077.465.741	229.694.825.815
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		111.637.082.255	229.694.825.815
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.440.383.486	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		206.757.585.776	186.351.137.092
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.347.459.754.837	2.071.229.310.222

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đặng Hải Đăng



Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 23 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

 15-06
 NHÃN
 CÔNG TY
 CHẾ NHỮ
 H VÀ T
 & C
 HÀ NI
 A - T

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	679.209.688.856	575.062.000.525
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	245.928.840	478.365.823
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		678.963.760.016	574.583.634.702
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	545.012.031.952	448.007.464.974
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		133.951.728.064	126.576.169.728
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.319.656.192	4.783.801.671
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	34.680.430.392	31.296.014.120
Trong đó: chi phí lãi vay	23		33.202.796.861	30.647.057.355
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.017.206.888	3.912.517.157
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	9.978.177.018	11.090.385.089
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	43.285.194.792	34.860.857.653
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.344.788.942	58.025.231.694
12. Thu nhập khác	31	VI.8	10.407.655.095	14.508.045.628
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.406.677.677	568.985.890
14. Lợi nhuận khác	40		9.000.977.418	13.939.059.738
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.345.766.360	71.964.291.432
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	10.241.023.088	10.171.010.884
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.104.743.272	61.793.280.548
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		34.440.383.486	48.773.407.857
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		18.664.359.786	13.019.872.691
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	953	1.413
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	953	1.413

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiến



Lê Đăng Phúc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	63.345.766.360	71.964.291.432
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9-11	94.027.647.737	107.570.466.367
- Các khoản dự phòng	03 V.6	426.020.000	1.087.380.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.026.710.789)	181.722.251
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.128.418.053)	(19.760.073.380)
- Chi phí lãi vay	06 VI.5	33.202.796.861	30.647.057.355
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	177.847.102.116	191.690.844.025
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(47.798.662.655)	126.638.573.420
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(29.526.179.492)	(56.650.083.023)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	38.595.403.559	25.428.421.484
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.651.813.901	10.304.567.848
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(45.514.803.009)	(37.300.585.949)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(14.318.297.105)	(20.039.443.567)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19-20	(13.431.339.393)	(16.469.368.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	71.505.037.922	223.602.926.076
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(408.705.510.033)	(158.377.134.679)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	16.960.000.000	25.004.199.920
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(30.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	40.846.452.413
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	443.333.148	135.121.808
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(396.802.176.885)	(92.419.360.538)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	11.500.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	469.245.439.407	233.836.279.769
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(221.585.133.725)	(224.979.081.962)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.18	(247.644.854)	(226.789.961)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(44.181.687.500)	(68.300.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		214.730.973.328	(59.669.592.154)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(110.566.165.635)	71.513.973.384
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	226.306.248.566	82.841.204.189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14.627.574)	(98.005.536)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	115.725.455.357	154.257.172.037

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 23 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 05 công ty con (04 Công ty con trực tiếp, 01 Công ty con gián tiếp) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong kỳ, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng với tỷ lệ góp vốn là 60% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng là để mở rộng quy mô và ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp lương thực, thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động xây dựng dân dụng khác: nạo vét luồng lạch; Thi công nền móng bằng phương pháp khoan cọc nhồi. Trục vót, nạo vét công trình thủy.	72,29%	-	60,00%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái (*)	162/24 Đường 42, Khu phố 5, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	28,42%	28,42%	51,00%	51,00%

(*) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

5c. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	31%	31%	31%	31%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	45%	45%	45%	45%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam	Số 19-20 Khu đô thị Núi Long, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	35%	-	25%	-
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	20%	20%	20%	20%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 663 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 646 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

15-0
NHẬT
NG T
EM H
H VÀ
& C
HA
A -

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

002
ÁNH
TY
HỮU
TƯ
C
NỘI
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.673.349.271	2.541.650.705
Tiền gửi ngân hàng	101.713.495.237	157.364.597.861
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ^(*)	12.338.610.849	66.400.000.000
Cộng	115.725.455.357	226.306.248.566

2. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	121.249.370.000	11.114.335.823	132.363.705.823	121.249.370.000	7.104.862.318	128.354.232.318
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	22.275.000.000	608.837.341	22.883.837.341	22.275.000.000	575.823.548	22.850.823.548
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam ⁽ⁱ⁾	5.500.000.000	(25.280.410)	5.474.719.590	-	-	-
Cộng	151.024.370.000	9.697.892.754	160.722.262.754	145.524.370.000	5.680.685.866	151.205.055.866

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270	31,00%	3.911.270	31,00%
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	200.000	20,00%	200.000	20,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	2.025.000	45,00%	2.025.000	45,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam	550.000	35%	-	-

- ⁽ⁱ⁾ Trong kỳ, Công ty mẹ đã góp 5.500.000.000 VND (trương ứng với 550.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 VND) để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam ("YICO"). Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2803017999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2022, YICO có vốn điều lệ là 300.000.000.000 VND (trương ứng với 30.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần), trong đó Công ty đầu tư 105.000.000.000 VND (trương ứng 10.500.000 cổ phần), chiếm 35% vốn điều lệ của YICO. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn phải góp thêm vào YICO là 99.500.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn bên liên quan	81.000.000.000	-	81.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	723.150.727.821	169.222.813.829	467.042.429.718	86.885.484.274
Vay dài hạn các cá nhân khác	113.800.000.000	-	113.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	284.999.980	63.333.336	221.666.644	-
Cộng	918.235.727.801	169.286.147.165	662.064.096.362	86.885.484.274

Số đầu năm

Vay dài hạn bên liên quan	81.000.000.000	-	81.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	478.401.095.765	98.428.501.123	336.601.126.254	43.371.468.388
Vay dài hạn các cá nhân khác	96.100.000.000	-	96.100.000.000	-
Nợ thuê tài chính	586.151.963	301.151.983	284.999.980	-
Cộng	656.087.247.728	98.729.653.106	513.986.126.234	43.371.468.388

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn bên liên quan	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Nợ thuê tài chính dài hạn	Cộng
Số đầu năm	81.000.000.000	379.972.594.642	96.100.000.000	284.999.980	557.357.594.622
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	296.336.004.774	33.000.000.000	-	329.336.004.774
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	-	(122.242.793.924)	-	(63.333.336)	(122.306.127.260)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(137.891.500)	(15.300.000.000)	-	(15.437.891.500)
Số cuối kỳ	81.000.000.000	553.927.913.992	113.800.000.000	221.666.644	748.949.580.636

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	2.208.924.405	9.630.092.826	3.549.210.304	15.388.227.535
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.334.875.083	2.416.232.265	2.699.075.329	6.450.182.677
Chi quỹ trong kỳ	(651.219.947)	(9.074.309.142)	(3.549.210.304)	(13.274.739.393)
Số cuối kỳ	2.892.579.541	2.972.015.949	2.699.075.329	8.563.670.819

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam	Cộng
Giá trị sở hữu đầu năm	128.354.232.318	-	22.850.823.548	-	151.205.055.866
Giá trị đầu tư trong kỳ	-	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	4.009.473.505	-	90.596.148	(25.280.410)	4.074.789.243
Công ty liên kết trích quỹ	-	-	(57.582.355)	-	(57.582.355)
Giá trị sở hữu cuối kỳ	132.363.705.823	-	22.883.837.341	5.474.719.590	160.722.262.754

Giao dịch với các công ty liên kết

Giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ	7.280.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ	1.886.000	1.400.000.000

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	71.542.940.736	163.618.324.576
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	43.138.597.907	139.898.689.943
Công ty TNHH Tân Cảng - PETRO Cam Ranh	312.100.000	2.047.800.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	11.664.018.423	16.698.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	1.255.949.221	1.088.459.698
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	146.629.200	-
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	946.092.137	326.354.594
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	8.327.801	8.327.801
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	28.920.273	15.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	1.300.000	1.300.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui	-	1.756.000
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	14.041.005.774	3.532.636.540
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	391.643.636.186	266.050.587.244
Liên doanh Việt Nga Vietsovetpetro	19.133.430.789	53.242.391.104
Lova Shipping Inc	122.615.500.000	-
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)	41.152.191.756	9.607.374.852
Công ty Cổ phần Tàu Dịch vụ Dầu khí HD	12.190.202.710	12.190.202.710

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Marine		
Aussie Offshore Services Limited	29.940.879.286	29.300.259.651
Jungwon Maritime Pte. Ltd	21.426.051.790	20.967.616.708
Các khách hàng khác	145.185.379.855	140.742.742.219
Cộng	<u>463.186.576.922</u>	<u>429.668.911.820</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	29.013.519.227	20.878.649.593
Haridass Ho & Partners	59.274.016	11.647.725.000
Công ty TNHH Một thành viên Cao su 75	-	2.138.400.000
Công ty Cổ phần Long SBS Việt Nam	-	1.243.352.550
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	5.118.387.000	-
Công ty TNHH Cơ giới Mỹ Dung	5.624.643.678	-
Các nhà cung cấp khác	18.211.214.533	5.849.172.043
Cộng	<u>29.013.519.227</u>	<u>20.878.649.593</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	16.451.279.947	-	20.857.998.531	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng ⁽ⁱ⁾	240.000.000	-	240.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	16.211.279.947	-	20.617.998.531	-
<i>Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh thu hồi dần hàng năm ⁽ⁱⁱ⁾</i>	15.150.068.788	-	19.412.691.892	-
<i>Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh</i>	1.061.211.159	-	1.205.306.639	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.834.684.352	-	29.557.377.685	-
Dự thu lãi tiền gửi	13.098.082	-	56.937.983	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – ký quỹ mở L/C	-	-	19.383.061.236	-
Ký cược, ký quỹ	7.166.212.224	-	2.574.944.900	-
Tạm ứng	13.368.760.292	-	5.511.357.509	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.286.613.754	-	2.031.076.057	-
Cộng	<u>39.285.964.299</u>	-	<u>50.415.376.216</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	14.317.689.052	-	14.437.689.052	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng ⁽ⁱ⁾	120.000.000	-	240.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	14.197.689.052	-	14.197.689.052	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.022.073.500	-	7.962.073.500	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	8.022.073.500	-	7.962.073.500	-
Cộng	22.339.762.552	-	22.399.762.552	-

(i) Khoản cho Ông Dũng - Phó Tổng Giám đốc vay tiền mua tài sản theo Hợp đồng số 001/2021/HĐVT-TCO ngày 26/11/2021, số tiền 480.000.000 VND, lãi suất 0%, mỗi tháng thu hồi 20.000.000 VND bằng cách trừ vào lương, thời hạn thu hồi đến hết ngày 25/11/2023.

(ii) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty Cổ phần Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 146.298.243.128 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 73.149.121.564 VND. Vốn góp được thu hồi dần hàng năm, thông qua khấu hao tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	> 3 năm	6.418.557.288	(5.627.143.844)	> 3 năm	6.418.557.288	(5.627.143.844)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải	Từ 2 - <3 năm	700.000.000	(490.000.000)	Từ 2 - <3 năm	700.000.000	(490.000.000)
Jungwon Maritime Pte. Ltd	Từ 1 - <2 năm	21.267.976.405	(10.633.988.203)	Từ 1 - <2 năm	21.267.976.405	(10.633.988.203)
Công ty TNHH Vận tải Xăng dầu Nam Phát Đạt	> 3 năm	1.513.400.000	(1.513.400.000)	Từ 2 - <3 năm	1.553.400.000	(1.087.380.000)
Cộng		29.899.933.693	(18.264.532.047)		29.939.933.693	(17.838.512.047)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	17.838.512.047	12.537.830.239
Trích lập dự phòng bổ sung	426.020.000	1.087.380.000
Số cuối kỳ	18.264.532.047	13.625.210.239

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.553.062.335	2.079.784.511
Công cụ, dụng cụ	15.214.465	6.709.621
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.782.687.646	43.829.548.187
Thành phẩm	31.417.003	30.524.524
Hàng hóa	2.226.754.027	4.136.389.141
Cộng	<u>79.609.135.476</u>	<u>50.082.955.984</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	5.591.334.801	5.835.556.540
Chi phí sửa chữa tài sản	907.241.625	556.669.380
Chi phí công cụ dụng cụ	614.145.022	498.504.782
Chi phí khác	372.439.598	504.623.415
Cộng	<u>7.485.161.046</u>	<u>7.395.354.117</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.163.628.539	3.499.467.504
Chi phí sửa chữa, bồi dưỡng tàu và tài sản khác	34.875.119.244	36.612.990.181
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	6.981.044.186	10.194.523.391
Chi phí thuê thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu	117.722.361	195.539.861
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.636.123.973	2.633.898.530
Cộng	<u>60.773.638.303</u>	<u>53.136.419.467</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	443.056.667.799	1.138.863.926.459	753.891.502.918	11.159.629.660	1.228.220.255	2.348.199.947.091
Mua trong kỳ	-	1.160.918.273	168.605.975.491	-	-	169.766.893.764
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	190.258.783.745	-	-	190.258.783.745
Thanh lý, nhượng bán	-	(575.387.927)	(12.713.913.358)	(9.892.431.195)	-	(23.181.732.480)
Giảm do thay đổi mục đích đầu tư	-	-	(16.230.789.440)	-	-	(16.230.789.440)
Số cuối kỳ	443.056.667.799	1.139.449.456.805	1.083.811.559.356	1.267.198.465	1.228.220.255	2.668.813.102.680
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	278.392.372.398	265.893.096.362	124.814.241.078	575.500.364	1.159.583.891	670.834.794.093
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	400.743.952.177	803.548.618.584	257.977.347.545	10.882.452.192	1.179.105.108	1.474.331.475.606
Khấu hao trong kỳ	7.869.616.062	48.724.912.034	37.084.258.837	83.989.346	10.189.392	93.772.965.671
Thanh lý, nhượng bán	-	(543.596.278)	(2.502.421.035)	(9.887.433.085)	-	(12.933.450.398)
Giảm do thay đổi mục đích đầu tư	-	-	(16.230.789.440)	-	-	(16.230.789.440)
Số cuối kỳ	408.613.568.239	851.729.934.340	276.328.395.907	1.079.008.453	1.189.294.500	1.538.940.201.439
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	42.312.715.622	335.315.307.875	495.914.155.373	277.177.468	49.115.147	873.868.471.485
Số cuối kỳ	34.443.099.560	287.719.522.465	807.483.163.449	188.190.012	38.925.755	1.129.872.901.241
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 914.926.782.459 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải truyền dẫn.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.954.941.271	(1.070.578.942)	884.362.329
Khấu hao trong kỳ	-	(179.178.444)	(179.178.444)
Số cuối kỳ	1.954.941.271	(1.249.757.386)	705.183.885

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.144.215.000	-	1.144.215.000
Mua trong kỳ	-	65.000.000	65.000.000
Số cuối kỳ	1.144.215.000	65.000.000	1.209.215.000

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	811.139.161	-	811.139.161
Khấu hao trong kỳ	73.698.066	1.805.556	75.503.622
Số cuối kỳ	884.837.227	1.805.556	886.642.783

Giá trị còn lại

Số đầu năm	333.075.839	-	333.075.839
Số cuối kỳ	259.377.773	63.194.444	322.572.217

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển phân bổ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	191.854.533.600	247.568.831.408	(340.675.033.666)	(13.378.839.666)	85.369.491.676
Mua sắm tàu Tân Cảng Venus	-	70.643.121.676	-	-	70.643.121.676
Mua sắm tàu Nha Trang	161.871.113.600	41.766.509.811	(190.258.783.745)	(13.378.839.666)	-
Mua sắm Tàu TC99	15.257.050.000	135.159.199.921	(150.416.249.921)	-	-
Mua sắm Tàu ASD 2811	14.726.370.000	-	-	-	14.726.370.000
Xây dựng cơ bản dở dang	6.698.148.143	141.721.034.782	-	-	148.419.182.925
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	-	-	3.013.636.364
Dự án khách sạn Hà Nội Golden Nha Trang	-	139.554.545.118	-	-	139.554.545.118

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển phân bổ	Số cuối kỳ
Dự án Xây dựng Văn phòng TCOST Cái Lái	-	2.166.489.664	-	-	2.166.489.664
Dự án khác	3.684.511.779	-	-	-	3.684.511.779
Cộng	198.552.681.743	389.289.866.190	(340.675.033.666)	(13.378.839.666)	233.788.674.601

Tài sản có giá trị theo sổ sách là 210.197.666.794 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

- (*) Các công trình xây dựng cơ bản dở dang trong năm không thực hiện thêm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, sẽ được tiếp tục khi tình hình khả quan hơn.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	8.995.746.088	26.248.628.855
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.191.783.018	1.141.748.798
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.392.400.210	3.348.368.540
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	1.296.100.000	9.141.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng.	242.588.660	5.536.063.030
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	-	6.966.639.220
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	154.742.000	114.809.267
Công ty TNHH Một thành viên 128	1.718.132.200	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	152.986.747.376	150.551.928.050
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	12.452.647.219	21.268.814.298
Công ty Cổ phần Tàu Dịch vụ Dầu khí HD Marine	12.227.355.921	12.227.355.921
Aussie Offshore Services Limited	10.792.757.200	10.564.595.132
Các nhà cung cấp khác	117.513.987.036	106.491.162.699
Cộng	161.982.493.464	176.800.556.905

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	599.650.000	599.650.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	599.650.000	599.650.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	51.299.493.426	4.068.309.335
Nanjing Tianchen Shipping Engineering Co., Ltd.,	-	1.869.450.000
Prayati Shipping Pvt.Ltd	270.420.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Sơn Hà	-	1.925.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 tại Quảng Trị	50.266.993.500	-
Các khách hàng khác	762.079.926	273.859.335
Cộng	51.899.143.426	4.667.959.335

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải thu cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.669.718.500	15.160.199.715	(17.854.354.405)	1.975.563.810	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	32.982.822.811	(32.982.822.811)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	9.010.590.573	(9.010.590.573)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.715.978.037	10.241.023.088	(14.318.297.105)	11.638.704.020	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.225.956.552	9.094.990.696	(9.025.369.312)	1.297.019.283	1.441.347
Thuế nhà thầu	204.576.283	195.106.251	(205.469.414)	194.213.120	-
Thuế nhà đất	-	8.453.484	(8.453.484)	-	-
Các loại thuế khác	-	24.000.000	(24.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	17.038.371	324.358.631	(281.683.438)	59.713.564	-
Cộng	21.833.267.743	77.041.545.249	(83.711.040.542)	15.165.213.797	1.441.347

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế 0%
- Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa qua chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ 5%
- Hàng hóa, dịch vụ còn lại 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty mẹ phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2028.

Các Công ty con trong Tập đoàn phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	9.016.622.000	8.940.632.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	9.016.622.000	8.940.632.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	80.378.967.908	55.961.082.474
Lãi vay phải trả	7.868.026.460	20.180.032.608
Chi phí thuê tàu phải trả	35.205.593.810	10.080.415.630
Chi phí nhiên liệu phải trả	15.709.018.259	12.109.176.401
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	21.596.329.379	13.591.457.835
Cộng	89.395.589.908	64.901.714.474

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	27.104.131.260	284.471.601
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	25.409.824.763	284.471.601
- Cổ tức phải trả	24.118.312.500	-
- Phải trả lại tiền thanh toán thừa	965.826.067	-
- Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả	325.686.196	284.471.601
Kinh phí hoạt động HDQT, BKS	1.694.306.497	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	5.894.182.974	19.859.389.332
Tài sản thừa chờ giải quyết	53.595.962	33.475.000
Kinh phí công đoàn	434.055.356	519.848.221
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	437.997.574	2.061.911
Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	1.769.618.000	1.769.618.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	3.794.200.000
Các khoản chi hộ phải trả	-	934.473.257
Thuế GTGT đầu ra chưa kê khai	-	10.572.544.019
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.198.916.082	2.233.168.924
Cộng	32.998.314.234	20.143.860.933

- (i) Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1807/TCOTS-VNTM ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart (VNTM) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con) để thực hiện dự án quản lý, khai thác nhà khách Ngoại vụ kết hợp An điều dưỡng Vùng 3 Hải Quân tại Đà Nẵng. Theo Biên bản thanh lý thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 31/12/2019, Công ty con mua lại phần vốn góp của VNTM bằng số tiền VNTM đã thực góp. Thời hạn thanh toán lần 01 số tiền 1.162.570.000 VND trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý, phần còn lại sẽ được thanh toán bằng hình thức khấu trừ dần trên doanh thu VNTM sử dụng tại khách sạn Navy Đà Nẵng và Bãi Cát Vàng (nếu có). Trong trường hợp Công ty con không còn quyền khai thác khách sạn Navy Đà Nẵng, số tiền còn lại sẽ được chuyển cho VNTM một lần.

17b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	116.231.180.076	131.030.332.656
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	55.920.540.167	45.392.697.081
Ngân hàng TMCP Quân Đội	36.056.827.658	51.546.252.749
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	24.253.812.251	34.091.382.826
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (xem thuyết minh số V.18a)	169.222.813.829	98.428.501.123
Ngân hàng TMCP Quân Đội	18.564.692.800	17.363.646.935
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	8.905.400.000	8.905.400.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	90.307.839.673	36.879.454.188
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	45.072.000.000	35.280.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	6.372.881.356	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	126.666.672	301.151.984
Cộng	285.580.660.577	229.759.985.763

Thông tin bổ sung về các khoản vay ngắn hạn:

<u>Ngân hàng/Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				
Hợp đồng cấp tín dụng số 0038/2275/N-CTD ngày 19 tháng 4 năm 2022	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 70.000.000.000 VND	12 tháng	5,9%/năm	Cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB / Thẻ chấp hai Cầu RTG 6+1/ Thẻ chấp 01 cầu bờ trực hiệu Kocks 73013/ Các quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê thiết bị với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Ngân hàng TMCP Quân đội				
Hợp đồng tín dụng ngày 09/11/2021	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,8% đến 8,7%/năm	03 cầu bờ container hiệu Kocks, Tàu TC Royal
Hợp đồng số 6771.22.151.2322196.TD ngày 10 tháng 3 năm 2022	Cấp tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh, hạn mức tín dụng 40.000.000.000 VND	Đến ngày 17/02/2023	5,8%/năm	Dùng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay và các tài sản khác của Công ty
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa				
Hợp đồng tín dụng ngày 31/12/2021	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,4% đến 6,5%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	131.030.332.656	98.428.501.123	301.151.984	229.759.985.763
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	139.899.608.427	-	9.826.206	139.909.434.633
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	122.242.793.924	63.333.336	122.306.127.260
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(154.698.761.007)	(51.448.481.218)	(247.644.854)	(206.394.887.079)
Số cuối kỳ	116.231.180.076	169.222.813.829	126.666.672	285.580.660.577

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn các cá nhân là bên liên quan</i>	81.000.000.000	81.000.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	553.927.913.992	379.972.594.642
Ngân hàng TMCP Quân Đội	27.964.042.602	29.934.129.502
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	240.167.552.746	168.935.565.140
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	26.716.200.000	31.168.900.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	171.453.000.000	149.934.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	87.627.118.644	-
<i>Vay dài hạn các cá nhân khác (vi)</i>	113.800.000.000	96.100.000.000
<i>Nợ thuê tài chính</i>	221.666.644	284.999.980
Cộng	748.949.580.636	557.357.594.622

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn các tổ chức ⁽ⁱ⁾	553.927.913.992	379.972.594.642
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	194.800.000.000	177.100.000.000
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱ⁾	221.666.644	284.999.980
Cộng	748.949.580.636	557.357.594.622

⁽ⁱ⁾ Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội				
Hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2019	Đầu tư tàu Armada Tuah 304/ Hạn mức vay tương đương 3.200.000 USD	05 năm	8,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2016 và 2020	Đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần; thanh toán tiền mua thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu khu vực Cảng và Phao xuất dầu không bền; đầu tư 1 tàu đa năng Pacific Vigour, số hiệu IMO 9443530	05 năm đến 10 năm	7% đến 9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số ngày 8/11/2021	Đầu tư tàu nạo vét xén thổi 650	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Hợp đồng vay</i>	<i>Mục đích vay/Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 7 năm 2021	Tái tài trợ khoản vay vốn đầu tư trung hạn không tuần hoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	54 tháng	7,0%/năm	Tàu TC Vigour, số hiệu IMO 9443530
Hợp đồng ngày 26/02/2022	Đầu tư tàu PSV1/hạn mức vay: 46.000.000.000 VND	05 năm	6,80%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng số SHBVN/CMC/062022/HDTD <i>Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga</i>	Mua tàu lai ASD 2813	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số ngày 04/5/2021 <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 12/6/2018 <i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam</i>	Đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer/ Hạn mức vay: 317.514.000.000 VND	106 tháng	8,1%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng vay số 4700-LAV-202200173 ngày 31/3/2022 <i>Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh</i>	Đầu tư nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất và công trình gắn liền với đất (Khách sạn Hanoi Golden Hotel)	180 tháng	8%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 85.19.01/CTTC ngày 20/2/2019	02 chiếc xe ô tô tải KIA nhãn hiệu Thaco Frontier K200-ĐL	72 tháng	9,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

(ii) Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV, đầu tư vào dự án Cầu Kocks và đầu tư mua tàu TC Fortune (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm, 8 năm và 10 năm). Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư tàu TC 89, đầu tư tàu TC Fortune và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	163.000.000.000	145.300.000.000
Bên liên quan	80.000.000.000	80.000.000.000
Các cá nhân khác	83.000.000.000	65.300.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cá nhân khác	30.800.000.000	30.800.000.000
Cộng	194.800.000.000	177.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Tại 01/01/2021	265.000.000.000	209.168.303.272	187.738.484.073	27.631.515.060	158.461.807.534	848.000.109.939
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	48.773.407.857	-	13.019.872.691	61.793.280.548
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	36.252.005.720	(52.565.408.293)	-	-	(16.313.402.573)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	1.567.581.414	(3.077.747.393)	65.865.139	(1.310.018.581)	(2.754.319.421)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(60.950.000.000)	-	(7.350.000.000)	(68.300.000.000)
Phân phối quỹ tại Công ty liên kết	-	-	(491.251.716)	-	-	(491.251.716)
Tại 30/06/2021	265.000.000.000	246.987.890.406	119.427.484.528	27.697.380.199	162.821.661.644	821.934.416.777
Tại 01/01/2022	267.981.250.000	247.676.124.253	229.694.825.815	27.009.146.352	186.351.137.092	958.712.483.512
Phát hành cổ phần tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển (*)	42.017.610.000	(42.017.610.000)	-	-	-	-
Góp vốn thành lập Công ty con	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	34.440.383.486	-	11.500.000.000	11.500.000.000
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	40.486.129.937	(45.209.511.763)	-	18.664.359.786	53.104.743.272
Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ	-	-	(66.995.312.500)	-	-	(4.723.381.826)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	(5.852.919.297)	293.433.599	(7.350.000.000)	(74.345.312.500)
Sử dụng quỹ tại Công ty con	-	3.236.694.747	(5.852.919.297)	(156.600.000)	(2.274.511.102)	(4.597.302.053)
Tại 30/06/2022	309.998.860.000	249.381.338.937	146.077.465.741	27.145.979.951	206.757.585.776	939.361.230.405

(*) Thực hiện Tờ trình số 05B/2021/TTr ngày 6/4/2021 đã được phê duyệt theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 02/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 27/4/2021, Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã ban hành Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐQT ngày 03/12/2021 và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 24/01/2022 về triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 15,679735% (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được nhận 15 cổ phần mới). Trong kỳ, Công ty mẹ đã phát hành 4.201.761 cổ phiếu cho 239 cổ đông hiện hữu, tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành là 30.999.886 cổ phần. Theo đó, Công ty mẹ đã ghi nhận giảm quỹ đầu tư phát triển tương ứng ghi tăng vốn góp của chủ sở hữu, số tiền là 42.017.610.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	111.599.990.000	96.473.250.000
Các cổ đông khác	198.398.870.000	171.508.000.000
Cộng	309.998.860.000	267.981.250.000

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.999.886	26.798.125
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.999.886	26.798.125
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.999.886	26.798.125

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	66.995.312.500
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	40.486.129.937
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST) (đã trích trong năm 2021)	6.747.688.323
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST) (đã trích trong năm 2021)	6.747.688.323
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	2.699.075.329
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (1,5% LNST)	2.024.306.497

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/2022/BBH-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 như sau:

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước

	VND
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (15% LNST)	6.346.460.289
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	2.115.486.763
• Trích kinh phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	846.194.705
• Chia cổ tức cho các cổ đông	15.000.000.000

Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/BBH-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 như sau:

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước

	VND
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	1.358.488.884
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	543.395.553

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/2022/BBH-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 như sau:

<i>Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước</i>		VND
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	:	277.131.701
• Trích thưởng cho Ban điều hành	:	200.000.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	831.395.102

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.015.503,35	3.872.052,25
Euro (EUR)	0,55	50,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	99.371.203.460	88.067.047.884
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	106.178.760.065	115.388.195.704
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	416.914.511.138	345.645.694.260
Doanh thu bán tàu, sà lan	23.750.000.000	-
Doanh thu tư hợp tác kinh doanh	6.589.960.778	6.273.421.466
Doanh thu dịch vụ khác	26.405.253.415	19.687.641.211
Cộng	679.209.688.856	575.062.000.525

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

<i>Doanh thu cho thuê tài sản cho các đơn vị:</i>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	75.448.141.444	86.184.331.248
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	-	931.911.198
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	-	5.370.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	33.202.796.861	30.647.057.355
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.092.529.736	467.234.514
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	181.722.251
Chi phí tài chính khác	385.103.795	-
Cộng	34.680.430.392	31.296.014.120

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.752.856.588	4.193.881.214
Chi phí vật liệu, bao bì	35.150.855	69.550.317
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	407.308.329	518.234.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.750.000	745.968
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	7.274.998	4.445.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.373.820.132	4.880.856.823
Các chi phí khác	1.398.016.116	1.422.670.914
Cộng	9.978.177.018	11.090.385.089

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.578.471.842	18.965.184.553
Chi phí vật liệu quản lý	328.155.433	338.300.573
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.194.228.535	1.006.156.249
Chi phí khấu hao tài sản cố định	542.702.041	837.755.203
Thuế, phí và lệ phí	127.906.359	134.064.962
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	426.020.000	1.087.380.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.109.212.926	7.783.219.299
Các chi phí khác	6.978.497.656	4.708.796.814
Cộng	43.285.194.792	34.860.857.653

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	6.711.717.918	12.906.411.256
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.685.563.384	1.117.165.000
Xử lý vật tư thừa do kiểm kê	1.226.507	72.932.419
Thu nhập từ bán Nhiên liệu trên tàu	-	394.024.270
Thu nhập khác	9.147.286	17.512.683
Cộng	10.407.655.095	14.508.045.628

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế	47.361.084	157.383.080
Tiền bảo hiểm chậm nộp	2.364.636	3.763.144
Xử lý vật tư thiếu do kiểm kê	3.083.245	1.093.146
Phạt hành chính	1.352.326.794	400.000
Chi phí dầu tồn tại tàu thuê	-	391.847.287
Chi phí khác	1.541.918	14.499.233
Cộng	1.406.677.677	568.985.890

10. Lãi trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	34.440.383.486	48.773.407.857
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, kinh phí hoạt động của Ban điều hành (*)	(4.883.047.048)	(5.399.271.345)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	29.557.336.438	43.374.136.512
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	30.999.886	30.701.761
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	953	1.413

(*) Số trích quỹ được ước tính theo tỷ lệ trích quỹ được quy định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty mẹ và các công ty con.

Trong kỳ, Công ty mẹ đã tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này cùng với việc ước tính trích quỹ khen thưởng phúc lợi, kinh phí hoạt động của Ban điều hành tại Công ty mẹ và Công ty con trong 6 tháng đầu năm 2021 làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.841 VND xuống còn 1.413 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123.363.129.809	119.845.143.114
Chi phí nhân công	94.072.243.642	78.825.548.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.027.647.737	94.622.336.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.184.220.295	140.080.684.123
Chi phí khác	35.444.311.139	20.298.604.215
Cộng	547.091.552.622	453.672.316.649

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch không có công nợ với các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Hội đồng quản trị					
Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch (từ ngày 28/04/2022)	-	-	-	-
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch (đến ngày 28/04/2022)	-	-	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Sơn	Thành viên	-	-	90.000.000	90.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên / Tổng Giám đốc	564.000.000	97.000.000	-	661.000.000
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	225.600.000	37.600.000	-	263.200.000
Vũ Hải Yến	Thành viên (từ ngày 28/04/2022)	-	-	-	-
Phạm Đức Duy	Thành viên (từ ngày 28/04/2022)	56.400.000	3.000.000	-	59.400.000
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên (đến ngày 28/04/2022)	199.750.000	39.950.000	-	239.700.000
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên (đến ngày 28/04/2022)	-	-	-	-
Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	324.300.000	57.050.000	-	381.350.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	324.300.000	57.050.000	-	381.350.000
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	282.000.000	50.000.000	-	332.000.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	267.900.000	47.650.000	-	315.550.000
Cộng		2.244.250.000	389.300.000	198.000.000	2.831.550.000
Kỳ trước					
Hội đồng quản trị					
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	-	-	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Sơn	Thành viên	-	-	125.000.000	125.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên / Tổng Giám đốc	508.320.000	164.000.000	100.000.000	772.320.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	227.800.000	80.400.000	-	308.200.000
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	257.100.000	84.800.000	-	341.900.000
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	204.813.636	84.800.000	-	289.613.636
Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	305.100.000	98.000.000	-	403.100.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	305.100.000	98.000.000	-	403.100.000
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	284.400.000	98.000.000	-	382.400.000
Cộng		2.092.633.636	708.000.000	375.000.000	3.175.633.636

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải xếp dỡ Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch và Giải trí Sài Gòn Today	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Mua dịch vụ, hàng hóa	2.007.877.330	3.183.377.118
Cổ tức phải trả Tổng công ty	24.118.312.500	21.503.160.000
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp:		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	-	12.295.576
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.227.157.150	3.381.357.262
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	81.969.500	929.983.500
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	957.528.827	1.613.531.263
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	5.580.000.000	7.920.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13a, V.14, V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chủ yếu là trong lĩnh vực kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê tàu vận tải, vận chuyển thực hiện dịch vụ ngoài khơi. Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Thông tin về doanh thu và giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 23 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiên



Lê Đăng Phúc

